

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HS-PT
Ngày 29/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hải Minh.

Ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2022/TLPT-HS ngày 12/01/2022, đối với bị cáo Nguyễn Bá T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Các bị cáo có kháng cáo.

1. Họ và tên: **Nguyễn Bá T** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 17/4/1979, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn 6, xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 62-QĐ/UBKTHU ngày 05/11/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Quỳnh Lưu); trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Bá Kha và con bà: Hồ Thị Thương; vợ: Trần Thị Hà và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn N Đ** (tên gọi khác: không); giới tính nam; sinh ngày

12/6/1981, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Cán bộ; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội nông dân xã Q (bị tạm đình chỉ công tác theo Thông báo ngày 15/7/2021 của HĐND xã Q và Ban Thường vụ Đảng ủy xã Q và bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 61-QĐ/UBKTHU ngày 05/11/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Quỳnh Lưu); trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn N Thành và con bà: Chu Thị Duyệt; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Chu Thị N** (tên gọi khác: không); giới tính nữ; sinh ngày 20/01/1980, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn 3, xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Cán bộ; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Huyện ủy viên, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Q (bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy các cấp theo Quyết định số 77 ngày 12/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban huyện Quỳnh Lưu, Tạm đình chỉ tư cách Đại biểu HĐND theo Thông báo số 09 ngày 08/10/2021 của HĐND xã Q, bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 81-QĐ/UBKTTU ngày 05/11/2021 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Nghệ An); trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Đ Hình và con bà: Trần Thị Miên; chồng: Hồ N Bảo và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Cao Văn T là bạn của Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1986, trú tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình đi làm chung, T biết Duy có giấy phép lái xe hạng FC nên T nhờ Duy chụp ảnh bằng lái xe gửi qua zalo cho T. Sau đó, T lên mạng tìm người làm 01 (một) giấy phép lái xe giả hạng FC mang tên Nguyễn Văn Duy nhưng ảnh của T với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng) để xin việc làm. Đầu năm 2019, T dùng giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Duy làm lái xe cho Công ty cổ phần xây lắp Giang Sơn. Ngày 14/7/2019, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37C-17748 của công ty gây tai nạn ở xã Diễn

Kỷ, huyện Diễn Châu, làm bà T Thị Oanh chết tại chỗ. T đến Công an huyện Diễn Châu đầu thú, nộp giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Văn Duy. Cơ quan điều tra công an huyện Diễn Châu yêu cầu T cung cấp chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu gia đình nhưng T không có chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Duy. Để che giấu hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, T đến phòng làm việc của Nguyễn Bá T (Trưởng Công an xã Q) và Nguyễn N Đ (Phó trưởng Công an xã bán chuyên trách xã Q phụ trách công tác hộ khẩu, hộ tịch) nhờ làm một sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Văn Duy nhưng T, Đ không đồng ý. Khoảng 20^h ngày 30/8/2019, Chu Thị N (vợ T) điện thoại cho T nói “anh ở nhà không vợ chồng em xuống nhờ anh”, T trả lời “không phải xuống mô, không làm được” rồi tắt máy... Nhiều lần nhờ T, Đ không được, N nói với chị gái là Chu Thị N (Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q) về việc T dùng giấy phép lái xe giả gây tai nạn chết người ở Diễn Châu, nhờ T, Đ làm sổ hộ khẩu cho khớp với bằng lái xe nhưng T, Đ không làm và nhờ N tác động đến T, Đ. Khoảng 15^h ngày 03/9/2019, T tiếp tục đến phòng làm việc nhờ T làm sổ hộ khẩu nhưng T trả lời “không làm được”, T ra về, khoảng 30 phút sau, N gọi điện thoại cho T nói “chỗ thằng T đó có chi giúp đỡ vợ chồng hần tỵ” rồi tắt máy và đi đến phòng làm việc của T nhưng T không đồng ý. Chiều ngày 04/9/2019, vợ chồng T, N đến ban công an xã Q gặp T và Đ, lúc này có N đang đứng cùng với T và Đ. T, N nhờ T và Đ làm giả sổ hộ khẩu với tên chủ hộ Nguyễn Văn Duy. T không đồng ý nhưng vì T là em rể của N, và N (vợ của T) làm Phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã Q, nên T và Đ đã nể tình cảm đồng nghiệp trong cơ quan cũng như nể nang N là cấp trên. T nói với vợ chồng T “gặp chú Đ đó, Đ làm được thì anh ký cho”. Vợ chồng T nhờ Đ làm. Đ lấy một phôi sổ hộ khẩu trống rồi viết nội dung theo theo thông tin T cung cấp, tên chủ hộ Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1986, vợ: Hoàng Thị Oanh, sinh năm 1991, con: Nguyễn Văn Huy, sinh năm 2012, đều trú tại xóm 2, xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Sau đó, Đ đưa sổ hộ khẩu giả này cho T ký tên đóng dấu Công an xã Q rồi tiếp tục phô tô quyển sổ hộ khẩu này ra một bản đưa cho N ký xác nhận chứng thực bản sao với bản chính. Sau khi công chứng sổ hộ khẩu giả xong, Đ hủy bản gốc rồi đưa bản phô tô đã chứng thực cho Cao Văn T. T cung cấp giấy phép lái xe giả và sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Văn Duy cho Cơ quan điều tra huyện Diễn Châu. Tại bản án số 01/2020/HS-ST ngày 08/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Duy (thực tế là Cao Văn T) 15 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Quá trình tổ chức thi hành án phạt tù cho hưởng án treo, cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện

Quỳnh Lưu phát hiện sự việc đã chuyển Cơ quan điều tra.

Ngày 06/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu quyết định trưng cầu giám định dấu in vân tay tại chỉ bản số DC382 mang tên Nguyễn Văn Duy do Công an huyện Diễn Châu lập ngày 07/9/2019 và dấu in vân tay tại chỉ bản số 393 mang tên Cao Văn T do Công an huyện Quỳnh Lưu lập ngày 02/7/2021; Dấu vân tay in trên Chỉ bản số DC382 lập ngày 07 tháng 9 năm 2019 của Công an huyện Diễn Châu mang tên Nguyễn Văn Duy và Chỉ bản số 186382218 của Nguyễn Văn Duy, sinh ngày 16/02/1986, trú tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Tại Kết luận giám định số 284/KL-PC09 (Đ3) ngày 09/7/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Dấu vân tay in trên Chỉ bản số DC382 trong hồ sơ vụ án mà Công an huyện Diễn Châu lập ngày 07 tháng 9 năm 2019 mang tên Nguyễn Văn Duy và Dấu vân tay in trên Chỉ bản số 393 lập ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Công an huyện Quỳnh Lưu mang tên Cao Văn T do cùng một người in ra. Dấu vân tay in trên Chỉ bản số DC382 trong hồ sơ vụ án mà Công an huyện Diễn Châu lập ngày 07 tháng 9 năm 2019 mang tên Nguyễn Văn Duy và Chỉ bản số 186382218 của Nguyễn Văn Duy, sinh ngày 16/2/1986, trú tại xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An không phải do cùng một người in ra.

Ngày 16/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu quyết định trưng cầu giám định chữ ký của Chu Thị N trên sổ hộ khẩu đã chứng thực được cung cấp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Diễn Châu và chữ ký của Chu Thị N tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/9/2021, bản tự khai ngày 07/9/2021 và Bản kiểm điểm cá nhân năm 2020. Tại bản Kết luận số 368/KL-PC09 (03) ngày 24/9/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An xác định: Chữ ký dưới mục Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q trong sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Văn Duy, là bản sao, gồm 05 trang giấy có chứng thực và đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và chữ ký dưới mục người khai trong Biên bản ghi lời khai ngày 07/9/2021 của Chu Thị N; chữ ký dưới mục người viết tự khai trong Bản tự khai ngày 07/9/2021 của Chu Thị N; chữ ký dưới mục người tự kiểm điểm trong Bản kiểm điểm cá nhân năm 2020 ngày 25/11/2020 của Chu Thị N là do cùng một người ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 181/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Nguyễn Bá T, Chu Thị N và Nguyễn N Đ, mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù, về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp

hành án. Ngoài ra bản án còn quyết định án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2021, các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn N Đ kháng cáo xin được hưởng án treo vì lý do bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật, quá trình công tác có nhiều giấy khen, thực hiện hành vi phạm tội là do nể nang cấp trên; hoàn cảnh gia đình khó khăn; ngày 30/11/2021, bị cáo Chu Thị N kháng cáo cho rằng mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng vì bị cáo chỉ là người nhờ vả, không T tiếp đứng ra làm hộ khẩu giả; bị cáo phạm tội không mang tính chất vụ lợi chỉ vì tình cảm gia đình; quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân có nhiều thành tích trong công tác; gia đình có người có công với cách mạng. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v, x Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn N Đ bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định hình phạt đối với các bị cáo về tội Giả mạo trong công tác là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của các bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Bá T, Chu Thị N để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo; đối với bị cáo Nguyễn N Đ, xét vai trò thứ yếu trong vụ án, đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Không có căn cứ để cho các bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị xử phạt Nguyễn Bá T 24 – 27 tháng tù, Chu Thị N 18 – 21 tháng tù, Nguyễn N Đ 30 – 36 tháng tù.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn N Đ cho rằng làm theo sự chỉ đạo của Chu Thị N. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N Đ cho rằng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội là do phải làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Bá T và Chu Thị N. Bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, đề nghị áp dụng các quy định tại khoản 1, 2 Điều 54 khi quyết định áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng

hình sự. Kháng cáo của các bị cáo là đúng quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Bá T giữ chức vụ Trưởng Công an xã Q, Nguyễn N Đ giữ chức vụ Phó trưởng Công an xã Q phụ trách công tác hộ khẩu, hộ tịch, Chu Thị N là Phó Chủ tịch UBND xã Q. Các bị cáo biết Cao Văn T sử dụng giấy phép lái xe giả mang tên Nguyễn Văn Duy gây tai nạn chết người tại huyện Diễn Châu. Để giúp T che dấu hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, ngày 04/9/2019, đã làm 01 (một) Sổ hộ khẩu giả với các thông tin không đúng sự thật theo sự cung cấp của T và y sao đưa cho T để nộp cho cơ quan chức năng phục vụ việc xử lý Cao Văn T. Dẫn đến việc sai sót trong xử lý Cao Văn T của cơ quan chức năng khi căn cứ vào Sổ hộ khẩu giả mà các bị cáo đã làm. Nguyễn Bá T, Nguyễn N Đ, Chu Thị N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để làm, cấp Sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Văn Duy cho Cao Văn T, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan có thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định hình phạt đối với các cáo về tội “Giả mạo trong công tác”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo:

[3.1] Trong vụ án này, Nguyễn Bá T, Nguyễn N Đ là những người có thẩm quyền trong việc làm hộ khẩu đã T tiếp làm Sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Văn Duy, Chu Thị N là người đã tác động đến T, N để giúp làm sổ hộ khẩu giả cho Cao Văn T, T tiếp thực hiện ký y sao tài liệu khi biết rằng đó là tài liệu giả. Đồng thời các bị cáo hoàn toàn nhận thức được Cao Văn T sử dụng tài liệu giả để nộp cho cơ quan chức năng xử lý hành vi gây tai nạn giao thông dẫn đến chết người, hành vi phạm tội của các bị cáo đã ảnh hưởng đến hoạt động của nhiều cơ quan chức năng, ảnh hưởng xấu trong dư luận về hoạt động của cơ quan nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Bá T cho rằng làm theo sự chỉ đạo của Chu Thị N, bị cáo Nguyễn N Đ cho rằng làm theo sự chỉ đạo của Chu Thị N và Nguyễn Bá T là không có căn cứ. Vì Ny từ đầu, các bị cáo đều biết hành vi của mình là sai phạm và thực hiện hành vi phạm tội do nể nang quan hệ công tác và gia đình.

[3.2] Đánh giá tính chất hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án là tương đương nhau, phạm tội không có tình tiết tăng nặng, đều có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, thể hiện T độ ăn năn hối cải. Trong quá trình công

tác các bị cáo đã có nhiều thành tích được nhiều cấp khen thưởng, gia đình có người có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương.

Bị cáo Nguyễn Bá T được Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân xã Q tặng Giấy khen; bố bị cáo là người có công (ông Nguyễn Bá Kha được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, là bệnh binh).

Bị cáo Chu Thị N đã được nhiều cấp, ngành khen thưởng trong nhiều lĩnh vực, gia đình bị cáo là người có công. Khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm chỉ áp dụng các thành tích bị cáo được Ủy ban nhân dân xã Q, Ủy ban nhân huyện Quỳnh Lưu tặng Giấy khen, năm 2018 được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua, bố mẹ bị cáo là người có công (ông Chu Đ Hình được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà Trần Thị Miên được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen) để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ, ngoài các thành tích trên, Chu Thị N còn được khen thưởng trong nhiều lĩnh vực công tác, cụ thể: Giấy khen của Cục trưởng thống kê; Cán bộ Đoàn tiêu biểu; Giấy khen của Tỉnh đoàn Nghệ An nhiều năm; Giấy khen của Huyện ủy Quỳnh Lưu; khi xét xử phúc thẩm bị cáo còn xuất trình thêm tài liệu về việc được BHXH tỉnh tặng giấy khen. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Bá T và Chu Thị N.

Về nội dung bị cáo Chu Thị N cho rằng bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, tại điểm x quy định: Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con liệt sỹ. Bị cáo được tặng thưởng các giấy khen, bằng khen trong quá trình công tác, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v. Không có căn cứ chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn N Đ được Ủy ban nhân dân xã Q tặng thưởng Giấy khen, bố bị cáo là người có công (ông Nguyễn N Thành được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, là bệnh binh).

Xét thấy, các bị cáo vì nể nang mà phạm tội, không có yếu tố vụ lợi, từ trước tới nay luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, trong quá trình công tác có nhiều thành tích, nhưng hành vi phạm tội của các là nguy hiểm như đã phân tích trên cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt 03 năm tù đối với mỗi bị cáo là tương

đôi nghiêm khắc. Các bị cáo Nguyễn Bá T và Chu Thị N có nhiều tính tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Nguyễn N Đ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng xét bị cáo vai trò thứ yếu trong vụ án. Vì vậy, có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ nghiêm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm; Giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 24 (hai mươi tư) tháng tù, về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359 điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Chu Thị N 18 (mười tám) tháng tù, về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 359, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn N Đ 27 (hai mươi bảy) tháng, về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn N Đ, Chu Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra Công an h.Quỳnh Lưu.
- Cơ quan T.H.A hình sự h. Quỳnh Lưu;
- Bị cáo kháng cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường